TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2023/HNGĐ-ST
Ny: 09-8-2023
V/v Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm C:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Quốc Hiếu**.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Cơ Ba.
2. Ông Nguyễn Trung Du.
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Trúc - Thư ký Tòa án.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.***

Ny 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2023/TLST-HNGĐ Ny 13 tháng 4 năm 2023, về tranh chấp: *"Hôn nhân và gia đình"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2023/QĐXX-ST Ny 06 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 107/2023/QĐST-HNGĐ Ny 21 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Phan Thị Kim N – sinh năm: 1990 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
2. *Bị đơn:* anh Lê Thanh G – sinh năm: 1987 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề Ny 29/3/2023 và trong quá giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Kim N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Thanh G chung sống với nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, do mai mối, được cha mẹ hai bên thừa nhận, C tổ chức lễ cưới và C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Long, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp vào Ny 24/5/2010.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không tôn trọng và tính tình không hợp nhau nên thường xảy ra mâu thuẫn. Cả hai đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Chị và anh G đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài nên chị N yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh G.

- Về con chung: C 01 con chung tên Lê Thanh C – sinh Ny 07/11/2010, hiện đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, chị N không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Lê Thanh G:*

Anh Lê Thanh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị N C đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh Lê Thanh G. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Xét thấy, anh Lê Thanh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do. Ny 14 tháng 4 năm 2023, chị N C đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N, anh G theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh G chung sống với nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, do mai mối, được cha mẹ hai bên thừa nhận, C tổ chức lễ cưới và C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Long, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp vào Ny 24/5/2010 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, chị N trình bày vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không tôn trọng và tính tình không hợp nhau nên thường xảy ra mâu thuẫn. Cả hai đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Chị và anh G đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải C nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ và thực hiện các công việc của gia đình. Thực tế, giữa chị N và anh G không còn quan tâm chăm sóc nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Qua đó cho thấy, hôn nhân giữa chị N và anh G lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn là C căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: C 01 con chung tên Lê Thanh C – sinh Ny 07/11/2010, hiện đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thanh C.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Lê Thanh C đang sống cùng chị N cuộc sống của cháu ổn định, sức khỏe bình thường, điều kiện sống của chị N đảm

bảo thuận tiện cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Do đó, khi ly hôn giao cháu Lê Thanh C cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu C và phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị N không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải nộp án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, 51, 53; 56, 57, 58, 81, 82, 83Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 Ny 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Kim N.

Về hôn nhân: Cho chị Phan Thị Kim N được ly hôn với anh Lê Thanh G.

Về con chung: Giao cháu Lê Thanh C – sinh Ny 07/11/2010, cho chị Phan Thị Kim N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Thanh G không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng C quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con C quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị Phan Thị Kim N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị Kim N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N^{0}0009348 Ny 13/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Phan Thị Kim N đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự C quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Tân Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Triệu Quốc Hiếu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Trung Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Triệu Quốc Hiếu